|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | |
| **Use case number:** | UC7 | |
| **User case name:** | Repeate Task | |
| **Actor(s):** | User | |
| **Maturity:** | Filled and Focus | |
| **Summary:** | Việc lặp lại của các task được quản lý dựa vào kiểu lặp, số lần lặp. Kiểu lặp gồm 2 kiểu:  + Lặp trong một khoảng thời gian.  + Lặp ở một thời điểm xác định.  - Số lần lặp mặc định là vô hạn. | |
| **Basic Course of Events:** | **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng nhấp chọn “More actions” của task muốn cài đặt lặp lại. |  |
|  | 2. Hiển thị danh mục các tùy chọn. |
| 3. Người dùng nhấp chọn “Repeate this task” **A1, A2**. |  |
|  | 4. Thiết lập repeate cho task đã chọn. |
| 5. Người dùng thiết lập thời điểm cụ thể cho việc lặp lại task **A3**. |  |
|  | 6. Hiển thị danh sách chu kỳ cho việc lặp lại. |
| 7. Người dùng chọn chu kỳ lặp lại. |  |
| 8. Tại đây người dùng nhập số lần lặp. |  |
|  | 9. Xác thực số lần lặp **E1**. |
| 10. Người dùng nhấp chọn “OK” **A4**. |  |
|  | 11. Lưu xuống database. |
| **Alternative Paths:** | **A1** Tại đây ngừơi dùng nhấp chọn “Cancel repeater” để hủy việc lặp lại. | |
| **A2** Tại đây người dùng nhấp chọn “View repeated task” để xem danh sách các công việc được cài đặt lặp lại. | |
| **A3** | |
| **Actor Action** | **System Response** |
| 1. Người dùng thiết lập thời khoảng thời gian cho việc lặp lại task. |  |
|  | 2. Hiển thị lịch để người dùng chọn. |
| 3. Người dùng nhấp chọn trong lịch khoảng thời gian cho việc lặp lại. |  |
| 4. Tại đây người dùng nhập số lần lặp. |  |
|  | 5. Xác thực số lần lặp **E1**. |
|  | Quay lại bước 10 ở Basic Course of Events. |
| **A4** Tại đây người dùng nhấp chọn “Cancel repeate” để hủy việc cài đặt và quay lại bước 5 ở Basic Course of Events. | |
| **Exception Paths:** | **E1.** Kiểm tra xem số lần lặp của người dùng nhập vào có hợp lệ không. Nếu không đúng sẽ hiển thị thông báo cho người dùng và quay lại bước trước đó. | |
| **Extension Points:** | Số lần lặp phải là số dương. | |
| **Triggers:** | Người dùng muốn cài đặt lặp lại công việc của mình. | |
| **Assumptions:** | Người dùng đã có task. | |
| **Preconditions:** | Phải có task trước đó. | |
| **Post conditions:** | Cài đặt thành công lặp lại cho công việc được chọn. | |
| **Reference: Business Rules:** | Không có. | |
| **Author(s):** | Giang. | |
| **Date:** | 5/10/2020. | |
|  | | |